

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Nguyễn Đình Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, Kp.2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, Kp.2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị N với anh T sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi anh T bị tai biến thì hay ghen tuông vô cớ, mắng chửi chị N, bắt đồng quan điểm sống khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau,

không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 14/7/2009 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 11/01/2013. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 14/6/2023 và ngày 29/6/2023, bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Anh T và chị N sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2008. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân là do trong cuộc sống, chị N có mâu thuẫn với mẹ và chị của anh T nên chị N bỏ nhà đi chứ anh T và chị N thì không có mâu thuẫn gì. Anh T vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 14/7/2009 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 11/01/2013. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thừa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, chấp nhận sự thỏa thuận của các bên về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị N, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên cùng giấy chứng nhận kết hôn, biên bản xác minh thấy rằng: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H vào năm 2008. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N thì hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến sau khi anh T bị tai biến thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không có sự tin tưởng với chị N, ghen tuông vô cớ khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh T cho rằng nguyên nhân khiến cho chị N yêu cầu ly hôn là do chị N có mâu thuẫn với chị và mẹ của anh T. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn giữa các bên đưa ra không thống nhất nhưng anh T cũng thừa nhận quan hệ giữa mẹ chồng nàng dâu, chị chồng với em dâu khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Yêu cầu của chị N là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh T 02 con chung tên Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 14/7/2009 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 11/01/2013. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, chị N đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Trần Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 25/02/2008 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 14/7/2009 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 11/01/2013 cho anh Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014578 ngày 22/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải